

Số:113B /QĐ - UBND

Cộng Hòa, ngày 28 tháng 07 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố công khai số liệu ước thực hiện thu, chi ngân sách 6 tháng đầu năm năm 2022 đã được Hội đồng nhân dân xã kỳ họp thứ 3 khóa XXII nhiệm kỳ 2021-2026 thông qua

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ CỘNG HÒA

Căn cứ luật tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2016, về việc hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách nhà nước đối với các cấp ngân sách;
Căn cứ Quyết định số 4840/QĐ-UBND, ngày 30 tháng 12 năm 2020 của UBND huyện Kim Thành, về việc giao chỉ tiêu kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách Nhà nước năm 2021;
Căn cứ Quyết định số 3536/QĐ-UBND, ngày 30 tháng 12 năm 2021 của UBND huyện Kim Thành, về việc giao chỉ tiêu kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách Nhà nước năm 2022;
Căn cứ Nghị quyết số: 23/2022/NQ-HĐND ngày 20/07/2022, của HĐND xã Cộng Hòa kỳ họp thứ 3, Khóa XXII, nhiệm kỳ 2021-2026 về việc thông qua ước thực hiện thu, chi ngân sách xã 6 tháng đầu năm 2022;
Xét đề nghị của Công chức Tài chính - Kế toán ngân sách,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Công bố công khai số liệu ước thực hiện thu, chi ngân sách xã 6 tháng đầu năm 2022.

Gồm các mẫu biểu đính kèm sau:

1. Phụ lục số 114: Ước thực hiện thu ngân sách 6 tháng đầu năm 2022
2. Phụ lục số 115: Ước thực hiện chi ngân sách 6 tháng đầu năm 2022.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3: Văn phòng HĐND - UBND, UB MTTQ, Công chức Tài chính - KT, các đơn vị có liên quan thực hiện Quyết định này./.

Nơi nhận

- Phòng Tài chính - Kế hoạch huyện;
- TT Đảng ủy - HĐND - UBND - UB MTTQ xã;
- Đại biểu HĐND xã;
- Các đơn vị có liên quan;
- Lưu VP.



CHỦ TỊCH

Đào Quang Thắng



ƯỚC THỰC HIỆN CHI NGÂN SÁCH XÃ 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2022

(Đã được HĐND xã thông qua)

Biểu số 115/CK TC-NSNN

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM 2022			ƯỚC THỰC HIỆN NĂM 6 THÁNG ĐẦU NĂM			SO SÁNH (%)		
		TỔNG SỐ	XDCB	TX	TỔNG SỐ	XDCB	TX	TỔNG SỐ	XDCB	TX
A	B	1	2	3	4	5	6	7=4/1	8=5/2	9=6/3
	TỔNG CHI	4.674.976.000		4.674.976.000	2.157.581.746		2.157.581.746			46.15
	Trong đó:									
1	Chi giáo dục	5.000.000		5.000.000	-		-			-
2	Hoạt động của các tổ chức xã hội	42.000.000		42.000.000	12.687.900		12.687.900			30.21
3	Hoạt động tổ chức chính trị XH	672.000.000		672.000.000	236.587.890		236.587.890			35.21
4	Chi văn hóa, thông tin	13.000.000		13.000.000	5.150.000		5.150.000			39.62
5	Chi phát thanh, truyền thanh	15.000.000		15.000.000	-		-			-
6	Chi sự nghiệp giao thông	5.000.000		5.000.000	-		-			-
7	Hoạt động QLNN (Cải cách tiền lương)	70.000.000		70.000.000	-		-			-
8	Chi các hoạt động kinh tế	30.000.000		30.000.000	-		-			-
9	Chi hoạt động của cơ quan quản lý Nhà nước, Đảng CSVN	3.229.976.000		3.229.976.000	1.653.601.206		1.653.601.206			51.20
10	Chi cho công tác xã hội	290.000.000		290.000.000	124.562.000		124.562.000			42.95
	Chi quốc phòng	205.000.000		205.000.000	85.904.550		85.904.550			41.90
11	Chi an ninh	98.000.000		98.000.000	39.088.200		39.088.200			39.89

Đơn vị: đồng

ƯỚC THỰC HIỆN THU NGÂN SÁCH XÃ 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2022

(Đã được HĐND xã thông qua)

Đơn vị: đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM 2022		ƯỚC THỰC HIỆN QUÝ 6 THÁNG ĐẦU NĂM		SO SÁNH (%)	
		THU NSNN	THU NSX	THU NSNN	THU NSX	THU NSNN	THU NSX
A	B	1	2	3	4	5=3/1	6=4/2
	TỔNG THU						
I	Các khoản thu 100%	-	4.674.976.000	3.341.656.000	3.642.870.280		77.92
	Phí, lệ phí	-	45.000.000	-	207.641.473		461.43
	Thu từ quỹ đất công ích và thu hoa lợi công sản khác		40.000.000		11.609.000		
	Thu từ hoạt động kinh tế và sự nghiệp				-		
	Thu phạt, tịch thu khác theo quy định				-		
	Thu từ tài sản được xác lập quyền sở hữu của nhà nước theo quy định				3.140.720		
	Thu chuyển nguồn 2021				192.891.753		
	Đóng góp tự nguyện của các tổ chức, cá nhân				-		
	Thu khác		5.000.000		-		
II	Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%)	-	435.000.000	-	93.572.807		21.51
1	Các khoản thu phân chia	-	235.000.000	-	41.530.263		17.67
	- Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp		160.000.000				-
	- Thuế sử dụng đất nông nghiệp thu từ hộ gia đình				-		

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM 2022		ƯỚC THỰC HIỆN QUÝ 6 THÁNG ĐẦU NĂM		SO SÁNH (%)	
		THU NSNN	THU NSX	THU NSNN	THU NSX	THU NSNN	THU NSX
A	B	1	2	3	4	5=3/1	6=4/2
	- Lệ phí môn bài thu từ cá nhân, hộ kinh doanh		15.000.000		13.800.000		92.00
	- Lệ phí trước bạ nhà, đất		60.000.000		27.730.263		46.22
2	Các khoản thu phân chia khác do cấp tỉnh quy định	-	200.000.000	-	52.042.544		26.02
III	Thu viện trợ không hoàn lại trực tiếp cho xã (nếu có)	-		-	-		
IV	Thu chuyển nguồn	-		-			
V	Thu kết dư ngân sách năm trước	-	-	-	-		
VI	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	-	4.194.976.000	3.341.656.000	3.341.656.000		79.66
	- Thu bổ sung cân đối		2.742.300.000	1.742.300.000	1.742.300.000		63.53
	- Thu bổ sung có mục tiêu		1.452.676.000	1.599.356.000	1.599.356.000		110.10

